

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST

Ngày 27-3-2023

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa Phiên tòa : Ông Trần Văn Phi

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Thu Oanh

Bà Trần Thị Kim Hương

- Thư ký Phiên tòa: Bà Nguyễn Hoa Kim Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm tham gia Phiên tòa:
Ông Trần Xuân Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2022/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn Phiên tòa số 04/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023; Thông báo đổi ngày xét xử số 02/2023/HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023 , giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1982

Trú tại: thôn L, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hoà. (vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Thái Thị Thu H, sinh năm 1983

Trú tại: Thôn L, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/6/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Tấn P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tấn P và bà Thái Thị Thu H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hoà ngày 12/5/2005.

Vợ chồng chung sống với nhau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là bất đồng về quan điểm sống nên không thể hoà hợp được. Mâu thuẫn ngày càng gay gắt nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2022 cho đến nay, mỗi người tự lo cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau.

Nay ông P nhận thấy không còn tình cảm, không muốn tiếp tục chung sống với bà H nên yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Ông Nguyễn Tấn P và bà Thái Thị Thu H có 02 con chung là Nguyễn Tấn K, sinh ngày 20/01/2006 và Nguyễn Tấn H.1, sinh ngày 22/8/2014. Các con chung khỏe mạnh đang ở cùng bà H. Sau khi ly hôn, ông P giao các con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông P cấp dưỡng cho mỗi con chung là 2.000.000đ/tháng (hai con chung là 4.000.000đ/tháng). Thời điểm cấp dưỡng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về chia tài sản chung sau khi ly hôn: Ông Nguyễn Tấn P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn trình bày đề ngày 10/8/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Thái Thị Thu H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Thái Thị Thu H tự nguyện chung sống với ông Nguyễn Tấn P nhau từ năm 2005, đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà ngày 12/5/2005 đúng như ông P đã trình bày.

Trong thời gian chung sống với nhau ông P không chăm lo làm ăn nên vợ chồng thường xuyên kinh cãi; ông P còn đánh đập, chửi bới vợ con. Nay bà H không còn tình cảm với ông P, không muốn tiếp tục chung sống nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà Thái Thị Thu H và ông Nguyễn Tấn P có 02 con chung là Nguyễn Tấn K, sinh ngày 20/01/2006 và Nguyễn Tấn H.1, sinh ngày 22/8/2014. Các con chung khỏe mạnh đang ở cùng bà H. Sau khi ly hôn, bà H sẽ trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và yêu cầu ông P cấp dưỡng cho mỗi con chung là 2.000.000đ/tháng cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà Thái Thị Thu H yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà cấp 4 có diện tích khoảng 75m² được xây dựng trên phần đất cha mẹ ông P cho, giá trị căn nhà khoảng 300.000.000đ.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Con chung: Giao cho bà Thái Thị Thu H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục các con chung; ông Nguyễn Tấn P phải cấp dưỡng cho mỗi con chung là 2.000.000đ/tháng (Hai con chung là 4.000.000đ/tháng).

Tài sản chung: Bà H yêu cầu chia tài sản chung nhưng không nộp tiền tạm ứng án phí nên không có cơ sở để xem xét; các bên có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại Pên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Tấn P có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Thái Thị Thu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tấn P và bà Thái Thị Thu H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hoà (theo Trích lục kết hôn số 379/TLKH-BS ngày 22/6/2022 của UBND xã V) nên hôn nhân hợp pháp.

[3] Ông Nguyễn Tấn P và bà Thái Thị Thu H chung sống với nhau phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống; thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2002 và không còn quan tâm đến nhau.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân của ông P và bà H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông P.

[4] Về con chung: Ông Nguyễn Tấn P và bà Thái Thị Thu H có 02 con chung là Nguyễn Tấn K, sinh ngày 20/01/2006 và Nguyễn Tấn H.1, sinh ngày 22/8/2014. Các con chung đang ở với bà H; các con chung cũng có nguyện vọng được sống với mẹ nên giao các con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục chăm sóc; ông Nguyễn Tấn P cấp dưỡng cho mỗi con chung là 2.000.000đ/tháng (hai con chung là 4.000.000đ/tháng). Thời điểm cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

[5] Về chia tài sản khi ly hôn: Ông Nguyễn Tấn P không yêu cầu nên không xét. Trong các bản tự khai bà Thái Thị Thu H yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo nộp tiền tạm ứng án phí nhưng bà H không nộp tạm ứng án phí theo quy định nên Tòa án không có cơ sở xem xét giải quyết; các bên có quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Tấn P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000đ về án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tấn P được ly hôn bà Thái Thị Thu H.

2/ Về con chung: Giao cho bà Thái Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng các con chung Nguyễn Tấn K, sinh ngày 20/01/2006 và Nguyễn Tấn H.1, sinh ngày 22/8/2014; ông Nguyễn Tấn P cấp dưỡng cho mỗi con chung là 2.000.000đ/tháng (hai con chung là 4.000.000đ/tháng). Thời điểm cấp dưỡng khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Quy định: Kể từ ngày bà Thái Thị Thu H có đơn yêu cầu thi hành án số tiền cấp dưỡng nuôi con nếu ông Nguyễn Tấn P không thi hành số tiền phải thi hành án thì phải trả lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ Luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3/ Về chia tài sản khi ly hôn: Ông Nguyễn Tấn P và bà Thái Thị Thu H được quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

4/ Về án phí: Ông Nguyễn Tấn P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0009261 ngày 27/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lâm; ông Nguyễn Tấn P phải nộp tiếp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

5/ Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Cam Lâm;
- Chi cục THADS huyện Cam Lâm;
- UBND xã V, Tp. N;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa

Trần Văn Phi